

Trường THPT số 1 huyện Bảo Yên

Tuyển sinh lớp 10 THPT

Năm học 2025-2026

PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH**1- Phương thức tuyển sinh:**

Thi tuyển

2- Nguồn tuyển sinh:

- Số học sinh trong địa bàn đã tốt nghiệp THCS:	1532
- Số học sinh dự tuyển:	561
Trong đó: chuyển về từ DTNT tỉnh: 0 HS, chuyên:	2
- Học sinh nữ:	295
- Học sinh dân tộc thiểu số:	421
- Con TB, BB:	0
- Con liệt sỹ:	0

3- Kế hoạch tuyển sinh:

11 lớp / 495 HS

4- Phương án tuyển sinh: Tuyển thẳng 9 học sinh. Số chỉ tiêu còn lại xét theo điểm thi tuyển từ cao xuống thấp.

- Căn cứ ĐXT, xét điểm từ cao đến thấp để tuyển đủ chỉ tiêu được giao (bao gồm cả thí sinh diện tuyển thẳng).
Nhà trường đề nghị duyệt tuyển 486 học sinh. Cụ thể như sau:

Phương án	Điểm xét tuyển		Học sinh trúng tuyển					T.lệ HS/lớp (tính cả HS lưu ban)
			Số lượng	Dân tộc	Con TB, BB	Con LS	Nữ	
Phương án được duyệt	Tuyển thẳng		10	9	0	0	3	45,0
	Thi tuyển	- Xét theo điểm: 9.65 (Gồm 485 học sinh). - Không có bài thi điểm 0	485	354	0	0	263	
	Tổng		495	363	0	0	266	

Hiệu trưởng

Cán bộ duyệt

Lãnh đạo phòng GDPT

Lãnh đạo Sở GD&ĐT duyệt



Handwritten signature
Hương Thị Mỹ Hạnh

Handwritten signature
Lê Mạnh Trường



Handwritten signature
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Thuận

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Handwritten signature
Nguyễn Văn Hương

TRƯỜNG THPT SỐ 1 HUYỆN BẢO YÊN

DANH SÁCH NGƯỜI HỌC ĐƯỢC TUYỂN THĂNG VÀO LỚP 10 THPT

Năm học 2025-2026

Số TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (Tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Kết quả duyệt		Ghi chú
								Đỗ	Hông	
1	Nguyễn Tiến	Dũng	23/07/2010	Yên Bái	Nam	Kinh	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bảo Yên			
2	Tráng Thị	Hoa	01/02/2010	Lào Cai	Nữ	Mông	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bảo Yên			
3	Trương Thị Bích	Ngọc	04/01/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bảo Yên			
4	Triệu Kim Thành	Long	10/10/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bảo Yên			
5	Lương Diệu	Chi	23/06/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bảo Yên			
6	Đặng Văn	Hùng	08/08/2009	Lào Cai	Nam	Dao	Trường TH^THCS số 2 Phúc Khánh			Khuyết tật
7	Triệu Văn	Hiên	15/07/2009	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng			Khuyết tật
8	Hoàng Minh	Đại	27/04/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa			Khuyết tật
9	Bàn Đình	Lương	20/12/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng			Khuyết tật
10	Triệu Văn	Thanh	29/12/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS xã Điện Quan			Khuyết tật

XÉT DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT

Số học sinh dự xét tuyển: 10 HS

Nhà trường đề nghị tuyển: 10 HS

Trong đó:

- Học sinh trường PTDT Nội trú: 5 HS
- Học sinh dân tộc rất ít người: 0 HS
- Học sinh khuyết tật: 05 HS
- Học sinh đạt giải cấp quốc gia trở lên về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học: 0 HS
- Học sinh đạt giải văn hóa trong kỳ thi HSG cấp tỉnh 0 HS;

Lào Cai, ngày ... tháng 06 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

CÁN BỘ DUYỆT



Nguyễn Văn Hương

Tráng Thị Dìn

HỘI ĐỒNG DUYỆT TUYỂN SINH SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số học sinh dự xét tuyển: 10 HS

Duyệt tuyển: 10 HS

Trong đó:

- Học sinh trường PTDT Nội trú: 5 HS
- Học sinh dân tộc rất ít người: 0 HS
- Học sinh khuyết tật: 5 HS
- Học sinh đạt giải cấp quốc gia trở lên về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học: 0 HS
- Học sinh đạt giải văn hóa trong kỳ thi HSG cấp tỉnh 0 HS;

Lào Cai, ngày ... tháng 6 năm 2025

LÃNH ĐẠO PHÒNG GDPT

GIÁM ĐỐC

Lo Mạnh Trường



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Thuận

**DANH SÁCH NGƯỜI HỌC ĐƯỢC TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025-2026**

TT	Số BD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
									Ngữ văn	Toán học	Ngoại ngữ					
1	050480	Đỗ Quý	Trọng	01/11/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	8,00	9,75	10,00	27,75		1,00	28,75	
2	050373	Nguyễn Mai	Phương	29/11/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	8,75	9,00	9,80	27,55	1,00		28,55	
3	050057	Phạm Bảo	Chung	10/01/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	8,00	8,75	10,00	26,75		1,00	27,75	
4	050518	Đỗ Duy Thịnh	Vượng	12/12/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	8,25	9,50	9,80	27,55			27,55	
5	050047	Hoàng Ngọc	Châu	06/11/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	8,75	8,25	9,40	26,40	1,00		27,40	
6	050200	Nguyễn Thu	Huyền	22/07/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	8,25	8,25	9,40	25,90		1,50	27,40	
7	050160	Nguyễn Thúy	Hòa	24/04/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	8,50	9,75	9,10	27,35			27,35	
8	050334	Nguyễn Thảo	Nhi	24/12/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	8,00	8,75	8,80	25,55	1,00		26,55	
9	050242	Vũ Bảo	Linh	07/11/2010	Lào Cai	Nữ	Giáy	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,50	8,50	9,40	25,40	1,00		26,40	
10	050395	Lê Hồng	Quyên	02/10/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	8,25	8,75	8,40	25,40	1,00		26,40	
11	050517	Đỗ Lê	Vương	13/04/2010	Lào Cai	Nam	Nùng	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,00	8,75	9,60	25,35	1,00		26,35	
12	050427	Phí Thị Hiền	Thảo	01/04/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	9,00	8,00	9,30	26,30			26,30	
13	050013	Vũ Quỳnh	Anh	12/05/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	8,00	9,00	9,20	26,20			26,20	
14	050023	Bùi Cẩm	Anh	05/03/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	8,75	8,00	9,40	26,15			26,15	
15	050130	Lê Thu	Hà	19/12/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	8,25	9,00	8,90	26,15			26,15	
16	050320	Nguyễn Thảo	Nguyên	04/12/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,00	8,50	9,60	25,10	1,00		26,10	
17	050096	Trần Thái	Dương	18/04/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,00	9,00	10,00	26,00			26,00	
18	050035	Thân Gia	Bảo	19/03/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	8,00	8,50	9,40	25,90			25,90	
19	210250	Nguyễn Nam	Khánh	25/04/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,75	8,00	9,80	24,55	1,00		25,55	Thi Chuyên
20	050153	Nguyễn Đăng	Hiếu	13/11/2010	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	8,25	8,25	8,80	25,30			25,30	
21	050288	Trịnh Hà	My	18/07/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	8,25	8,00	9,00	25,25			25,25	

TT	Số BD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
									Ngữ văn	Toán học	Ngoại ngữ					
22	050124	Phí Hương	Giang	23/06/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	8,50	7,75	8,80	25,05			25,05	
23	050488	Nguyễn Quốc Tuấn		13/12/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,25	9,00	9,80	25,05			25,05	
24	050076	Hoàng Thùy Dung		23/07/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	7,00	7,00	9,60	23,60	1,00		24,60	
25	050222	Lê Anh Lâm		22/02/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,25	7,75	9,60	24,60			24,60	
26	050405	Hà Bảo Sơn		01/04/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,50	9,00	8,00	24,50			24,50	
27	050049	Hoàng Thùy Chi		08/07/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	8,25	8,50	7,30	24,05			24,05	
28	050204	Trần Khải Ka		19/05/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	6,25	8,50	8,30	23,05	1,00		24,05	
29	050507	Nguyễn Quốc Việt		04/05/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,25	7,75	8,00	23,00	1,00		24,00	
30	050016	Trần Phương Anh		29/10/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,50	8,50	7,80	22,80	1,00		23,80	
31	050299	Vũ Hà Ngân		27/12/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	8,25	7,75	7,60	23,60			23,60	
32	050021	Hoàng Quỳnh Anh		17/09/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,00	7,25	8,20	22,45	1,00		23,45	
33	050523	Hà Yến Vy		25/06/2010	Yên Bái	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,25	7,00	9,20	23,45			23,45	
34	050095	Phạm Tùng Dương		13/01/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	5,50	8,75	9,10	23,35			23,35	
35	050252	Hà Đức Lộc		19/10/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,00	8,50	7,80	23,30			23,30	
36	050328	Lê Minh Nhật		13/04/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,00	7,50	9,80	23,30			23,30	
37	050024	Hoàng Mai Anh		02/03/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	6,50	7,75	7,90	22,15	1,00		23,15	
38	050224	Mai Thành Lâm		22/06/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,75	7,75	7,60	22,10	1,00		23,10	
39	050259	Hoàng Gia Long		10/10/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	5,75	7,25	9,00	22,00	1,00		23,00	
40	050223	Trần Thùy Lâm		22/05/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,75	7,50	8,70	22,95			22,95	
41	050238	Hoàng Ngọc Linh		07/01/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường TH & THCS Yên Sơn	7,50	6,00	7,90	21,40	1,00	0,50	22,90	
42	050211	Ngô Ngọc Khánh		01/01/2010	Yên Bái	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	8,00	6,25	8,60	22,85			22,85	
43	050494	Lý Hồng Uyên		01/09/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường TH & THCS Yên Sơn	8,00	5,75	8,00	21,75	1,00		22,75	
44	050294	Nguyễn Hoàng Nam		11/05/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,50	8,75	7,40	22,65			22,65	
45	050394	Nguyễn Hồng Quyên		18/04/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,50	7,25	7,90	21,65	1,00		22,65	
46	050514	Nguyễn Nguyên Vũ		08/01/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,00	6,50	9,10	22,60			22,60	
47	050397	Nguyễn Đức Quyền		01/11/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	7,00	6,75	8,80	22,55			22,55	
48	050440	Đào Xuân Thọ		24/01/2010	Lào Cai	Nam	Cao Lan	Trường THCS số 1 Phố Ràng	5,58	8,00	7,90	21,48	1,00		22,48	
49	050117	Đặng Hiếu Đông		19/10/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	6,25	8,50	6,70	21,45	1,00		22,45	

TT	Số BD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán học	Ngoại ngữ					
50	050198	Tạ Khánh Huyền	10/02/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS Phúc Khánh	6,50	7,75	7,20	21,45	1,00		22,45	
51	050266	Vũ Cẩm Ly	06/02/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	6,75	7,50	8,20	22,45			22,45	
52	050192	Đỗ Gia Huy	05/09/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,00	6,00	8,40	21,40	1,00		22,40	
53	050531	Lương Hoàng Yến	18/10/2010	Lào Cai	Nữ	Nùng	Trường THCS Phúc Khánh	8,25	6,00	7,10	21,35	1,00		22,35	
54	050025	Trương Thị Vân Anh	20/09/2010	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	7,50	7,75	7,00	22,25			22,25	
55	050281	Nguyễn Lê Minh	10/02/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,75	7,50	8,00	22,25			22,25	
56	050313	Nguyễn Phạm Bảo Ngọc	15/08/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	8,00	8,25	6,00	22,25			22,25	
57	050319	Lê Mai Nguyên	10/08/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,00	6,25	8,00	21,25	1,00		22,25	
58	050270	Hà Phương Mai	19/02/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,00	8,50	6,70	22,20			22,20	
59	050191	Hoàng Ngọc Huy	25/07/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	5,00	6,75	9,40	21,15	1,00		22,15	
60	050089	Nguyễn Quang Dũng	30/03/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	7,00	6,00	9,10	22,10			22,10	
61	050454	Vũ Minh Thư	02/12/2010	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	6,75	8,00	7,30	22,05			22,05	
62	050082	Lô Tiến Dũng	18/02/2010	Lào Cai	Nam	Giáy	Trường THCS số 1 Phố Ràng	5,75	5,75	9,50	21,00	1,00		22,00	
63	050521	Nguyễn Hà Vy	23/02/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,00	7,50	7,00	21,50			21,50	
64	050246	Bùi Phương Linh	18/06/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	6,75	7,00	7,40	21,15			21,15	
65	050084	Trần Tuấn Dũng	19/02/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,50	5,50	7,10	20,10	1,00		21,10	
66	050489	Trần Hà Anh Tuấn	13/12/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	5,75	6,75	7,60	20,10	1,00		21,10	
67	050492	Lê Thanh Tùng	21/10/2010	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,00	8,00	7,10	21,10			21,10	
68	210190	Nguyễn Huy Hoàng	05/10/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,75	5,00	9,30	21,05			21,05	Thi Chuyên
69	050424	Lương Phương Thảo	21/03/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,00	6,50	7,50	20,00	1,00		21,00	
70	050019	Nguyễn Đức Anh	20/08/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	5,75	8,00	7,10	20,85			20,85	
71	050343	Triệu Thị Quỳnh Như	24/01/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	6,25	7,25	6,00	19,50	1,00		20,50	
72	050105	Nguyễn Linh Đan	03/12/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,75	6,25	6,20	20,20			20,20	
73	050374	Nguyễn Thu Phương	22/10/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,25	5,75	6,20	19,20	1,00		20,20	
74	050017	Trần Hoàng Anh	23/08/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,50	5,75	7,90	20,15			20,15	
75	050312	Vũ Bảo Ngọc	26/12/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,75	6,75	6,60	20,10			20,10	
76	050282	Đoàn Nhật Minh	06/08/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	5,50	7,75	6,80	20,05			20,05	
77	050417	Hoàng Quang Thanh	17/08/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,25	6,00	5,80	19,05	1,00		20,05	

TT	Số BD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
									Ngữ văn	Toán học	Ngoại ngữ					
78	050079	Triệu Quang	Dũng	15/02/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	7,50	6,50	5,00	19,00	1,00		20,00	
79	050257	Phạm Duy	Long	28/01/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,75	6,75	5,50	19,00		1,00	20,00	
80	050018	Nguyễn Hoàng	Anh	20/08/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	5,50	7,25	6,20	18,95	1,00		19,95	
81	050300	Đào Kim	Ngân	24/01/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	8,25	6,25	5,40	19,90			19,90	
82	050178	Đặng Quốc	Hưng	02/07/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,50	8,25	5,00	19,75			19,75	
83	050380	Nguyễn Mai	Phương	29/10/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	7,25	8,00	4,50	19,75			19,75	
84	050519	Nông Thảo	Vy	06/10/2010	Lào Cai	Nữ	Giáy	Trường TH & THCS Yên Sơn	8,00	5,50	5,10	18,60	1,00		19,60	
85	050500	Hoàng Thị Yến	Vi	07/12/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	7,25	6,00	5,30	18,55	1,00		19,55	
86	050014	Nguyễn Hoài	Anh	02/06/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,75	7,50	4,20	18,45	1,00		19,45	
87	050501	Mông Thị	Vi	07/02/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 1 Thượng Hà	7,75	5,25	5,40	18,40	1,00		19,40	
88	050026	Nguyễn Nhật	Anh	10/12/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	6,50	6,50	5,10	18,10	1,00		19,10	
89	050085	Trần Mạnh	Dũng	07/08/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,75	6,25	6,10	19,10			19,10	
90	050335	Lã Bảo	Nhi	13/08/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,00	5,50	6,60	19,10			19,10	
91	050436	Đặng Văn	Thiện	12/01/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS số 1 Thượng Hà	6,50	6,25	5,30	18,05	1,00		19,05	
92	050022	Nguyễn Phương	Anh	15/04/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,50	6,00	5,50	19,00			19,00	
93	050037	Lò Quốc	Bảo	29/08/2010	Lào Cai	Nam	Thái	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,00	5,50	6,50	18,00	1,00		19,00	
94	050383	Đặng Thị Thu	Phượng	05/08/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	6,50	5,75	5,70	17,95	1,00		18,95	
95	050432	Lê Phương	Thảo	07/03/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS Trung Sơn - Bắc Giang	6,75	6,00	5,20	17,95	1,00		18,95	
96	050173	Nguyễn Trần Minh	Huệ	28/08/2010	Ninh Thuận	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,50	6,00	5,40	18,90			18,90	
97	050522	Nguyễn Mai Hà	Vy	02/11/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,50	7,75	4,60	18,85			18,85	
98	050430	Kim Thị Thu	Thảo	28/06/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	6,00	7,00	4,80	17,80	1,00		18,80	
99	050020	Phạm Quỳnh	Anh	29/07/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,00	5,75	6,00	18,75			18,75	
100	050244	Đặng Lê Khánh	Linh	21/12/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,25	5,75	5,70	17,70	1,00		18,70	
101	050527	Lý Hải	Yến	25/06/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	6,25	4,00	7,40	17,65	1,00		18,65	
102	050491	Nguyễn Đoàn	Tùng	11/12/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	3,75	6,25	8,60	18,60			18,60	
103	050099	Vũ Việt	Duy	23/06/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	5,25	5,50	7,80	18,55			18,55	
104	050271	Nguyễn Như	Mai	03/02/2010	Lào Cai	Nữ	Thái	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,00	6,25	4,30	17,55	1,00		18,55	
105	050143	Trần Hồng	Hạnh	03/12/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,25	6,00	5,20	17,45	1,00		18,45	

TT	Số BD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm U'T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
									Ngữ văn	Toán học	Ngoại ngữ					
106	050479	Hoàng Thị Kiều	Trình	30/09/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường TH&THCS Việt Tiến	5,25	5,00	7,20	17,45	1,00		18,45	
107	050398	Đường Thị Ngọc	Quỳnh	05/04/2010	Lào Cai	Nữ	Giáy	Trường TH & THCS Yên Sơn	7,25	6,00	4,10	17,35	1,00		18,35	
108	050452	Cao Ngọc Anh	Thư	18/08/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,00	7,00	4,10	17,10	1,00		18,10	
109	050030	Phan Ngọc	Ánh	17/08/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,25	6,50	3,30	17,05	1,00		18,05	
110	050086	Nguyễn Tiến	Dũng	22/03/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,50	5,75	4,80	17,05	1,00		18,05	
111	050475	Trần Mai	Trang	17/11/2009	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	4,00	5,75	8,30	18,05			18,05	
112	050069	Hoàng Thị	Diệp	01/06/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	6,50	6,00	4,40	16,90	1,00		17,90	
113	050428	Vũ Phương	Thảo	02/08/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,00	7,00	3,90	17,90			17,90	
114	050081	Đinh Tiến	Dũng	25/10/2010	Yên Bái	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,00	6,25	5,60	17,85			17,85	
115	050006	Hoàng Duy	Anh	12/12/2008	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	4,25	5,75	6,70	16,70	1,00		17,70	
116	050248	Triệu Thị Bảo	Linh	28/07/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	6,50	6,00	4,00	16,50	1,00		17,50	
117	080027	La Thị Phương	Kiều	28/12/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	THCS Minh Tân	7,00	5,00	4,40	16,40	1,00		17,40	DTNT huyện - NV2
118	050333	Nông Yển	Nhi	11/01/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,75	4,75	4,80	16,30	1,00		17,30	
119	050351	Kim Thị Ngọc	Nhung	07/08/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	6,25	7,00	3,00	16,25	1,00		17,25	
120	050265	Nguyễn Khánh	Ly	09/06/2010	Lào Cai	Nữ	Nùng	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	6,00	5,50	4,70	16,20	1,00		17,20	
121	050323	Ngư Hoàng Minh	Nguyệt	31/10/2010	Lào Cai	Nữ	Giáy	Trường TH & THCS Yên Sơn	7,00	4,75	4,40	16,15	1,00		17,15	
122	050384	Đinh Kim	Phượng	20/10/2010	Lào Cai	Nữ	Mường	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,75	6,25	3,10	16,10	1,00		17,10	
123	050524	Nguyễn Anh	Vy	25/01/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,00	5,50	4,60	17,10			17,10	
124	050525	Tráng Thị	Xuân	05/11/2010	Lào Cai	Nữ	Hmông	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	6,25	6,25	3,60	16,10	1,00		17,10	
125	050015	Trần Ngọc	Anh	02/03/2010	Lào Cai	Nữ	Giáy	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,25	5,50	4,30	16,05	1,00		17,05	
126	050241	Hoàng Thị Hoài	Linh	30/07/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS Lương Sơn	7,00	5,25	3,80	16,05	1,00		17,05	
127	050038	Nguyễn Duy	Bảo	17/02/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	4,00	7,75	5,20	16,95			16,95	
128	050269	Bàn Thị Hồng	Mai	21/03/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường TH & THCS Yên Sơn	7,00	4,25	4,70	15,95	1,00		16,95	
129	050416	Bùi Thị Phương	Thanh	14/04/2010	Yên Bái	Nữ	Mường	Trường THCS Phúc Khánh	7,00	4,75	4,20	15,95	1,00		16,95	
130	050283	Đỗ Hoàng	Minh	24/02/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	5,00	7,50	4,40	16,90			16,90	
131	050083	Nguyễn Việt	Dũng	17/12/2010	Phủ Thọ	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,00	5,75	5,10	16,85			16,85	
132	050332	Hà Phạm Yển	Nhi	20/10/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường TH&THCS Việt Tiến	5,25	4,00	6,60	15,85	1,00		16,85	
133	080089	Đặng Huyền Khánh	Vũ	14/07/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	THCS Tân Dương	8,00	5,75	2,10	15,85	1,00		16,85	DTNT huyện - NV2

TT	Số BD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
									Ngữ văn	Toán học	Ngoại ngữ					
134	050336	Hoàng Mai	Nhi	07/06/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	6,50	5,50	3,70	15,70	1,00		16,70	
135	050387	Trần Anh	Quân	23/03/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	5,75	6,25	4,70	16,70			16,70	
136	050258	Phùng Hoàng	Long	14/04/2010	Lào Cai	Nam	Nùng	Trường THCS số 1 Phố Ràng	5,50	7,00	2,90	15,40	1,00		16,40	
137	050461	Lý Thị	Thương	09/01/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS Phúc Khánh	6,75	4,75	3,90	15,40	1,00		16,40	
138	050513	Đặng Anh	Vũ	04/05/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường TH&THCS số 2 Phúc Khánh	4,75	4,25	6,40	15,40	1,00		16,40	
139	050296	Hoàng Thị Kiều	Nga	17/02/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS Lương Sơn	7,25	5,25	2,80	15,30	1,00		16,30	
140	050036	Nguyễn Gia	Bảo	12/09/2010	Lào Cai	Nam	Giáy	Trường THCS số 1 Phố Ràng	5,50	5,75	4,00	15,25	1,00		16,25	
141	050235	Bàn Thị Hà	Linh	22/05/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	6,50	4,00	4,70	15,20	1,00		16,20	
142	050098	Vũ Nam	Duy	29/10/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	5,50	5,25	4,40	15,15	1,00		16,15	
143	080052	Hoàng An	Nhiên	15/09/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	THCS Lương Sơn	7,00	5,00	3,10	15,10	1,00		16,10	DTNT huyện NV2
144	050466	Đặng Thị Thu	Thùy	18/04/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	TH&THCS Xuân Hòa	6,50	5,00	3,50	15,00	1,00		16,00	
145	050008	Bùi Hà Kiều	Anh	17/09/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường TH&THCS Việt Tiến	6,33	4,25	4,40	14,98	1,00		15,98	
146	050279	Hoàng Bình	Minh	03/11/2010	Lào Cai	Nam	Giáy	Trường TH & THCS Yên Sơn	5,25	4,50	5,20	14,95	1,00		15,95	
147	050073	Nguyễn Hạo	Doanh	04/03/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS Phúc Khánh	4,50	2,00	8,40	14,90	1,00		15,90	
148	080017	Nguyễn Hồng	Diêu	28/03/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	TH&THCS Việt Tiến	7,00	5,00	2,90	14,90	1,00		15,90	DTNT huyện - NV2
149	050289	Triệu Thảo	My	21/03/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	6,25	5,50	3,10	14,85	1,00		15,85	
150	050358	Bàn Thị Kim	Oanh	29/08/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	6,00	4,25	4,60	14,85	1,00		15,85	
151	050433	Nguyễn Trung	Thạo	05/03/2010	TP. Hà Nội	Nam	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	4,50	5,50	4,80	14,80	1,00		15,80	
152	050131	Nguyễn Ngọc	Hà	06/09/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Thượng Hà	5,75	5,00	4,00	14,75	1,00		15,75	
153	050267	Nguyễn Lưu	Ly	20/07/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	5,00	6,25	4,50	15,75			15,75	
154	050272	Hoàng Thị	Mai	27/12/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS Tân Dương	6,75	5,00	3,00	14,75	1,00		15,75	
155	080042	Phan Thanh	Ngân	08/04/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	THCS Minh Tân	6,50	4,25	4,00	14,75	1,00		15,75	DTNT huyện - NV2
156	050100	Đỗ Đức	Duy	12/01/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 2 Thượng Hà	6,00	6,00	2,70	14,70	1,00		15,70	
157	050345	Nguyễn Quỳnh	Như	11/09/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường TH & THCS Yên Sơn	6,75	4,75	3,20	14,70	1,00		15,70	
158	050010	Lục Hoàng	Anh	30/06/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS Lương Sơn	5,92	5,75	3,00	14,67	1,00		15,67	
159	050331	Bàn Yến	Nhi	07/12/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường TH&THCS số 2 Phúc Khánh	6,75	4,25	3,60	14,60	1,00		15,60	
160	050381	Cổ Thị Minh	Phương	21/01/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS Tân Dương	5,92	6,25	2,40	14,57	1,00		15,57	
161	050247	Nguyễn Hà Gia	Linh	09/12/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	4,75	5,75	5,00	15,50			15,50	

TT	Số BD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán học	Ngoại ngữ					
162	050103	Đặng Thị Thu Duyên	04/09/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS số 1 Thượng Hà	6,75	6,00	1,70	14,45	1,00		15,45	
163	050262	Trần Đức Lương	18/07/2010	Lào Cai	Nam	Nùng	Trường THCS Phúc Khánh	7,25	4,00	3,20	14,45	1,00		15,45	
164	050379	Nguyễn Thu Phương	26/02/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	5,50	6,00	3,90	15,40			15,40	
165	050109	Vũ Tiến Đạt	21/10/2010	Phủ Thọ	Nam	Kinh	Trường PTDTBT THCS Kim Sơn	5,50	5,75	4,10	15,35			15,35	
166	050125	Đàm Lương Giang	30/09/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,75	5,50	2,10	14,35	1,00		15,35	
167	050218	Phạm Văn Tuấn Kiệt	09/05/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS Phúc Khánh	6,25	4,50	3,60	14,35	1,00		15,35	
168	080030	Đặng Thị Ngọc Linh	01/05/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	THCS số 1 Thượng Hà	6,75	5,00	2,60	14,35	1,00		15,35	DTNT huyện - NV2
169	050315	Hoàng Minh Ngọc	24/05/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS số 2 Thượng Hà	6,75	4,00	3,50	14,25	1,00		15,25	
170	050145	Bàn Thị Hồng Hạnh	29/08/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS số 1 Thượng Hà	6,00	4,50	3,70	14,20	1,00		15,20	
171	050208	Bàn Duy Khánh	02/09/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	5,00	4,50	4,70	14,20	1,00		15,20	
172	050243	Phan Khánh Linh	16/08/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	5,42	5,25	4,50	15,17			15,17	
173	050371	Phạm Hoàng Phúc	28/01/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,25	4,50	3,40	14,15	1,00		15,15	
174	080071	Hứa Thị Thanh Thảo	24/06/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	7,50	3,25	3,40	14,15	1,00		15,15	DTNT huyện - NV2
175	050050	Trần Linh Chi	27/12/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	4,25	3,75	7,10	15,10			15,10	
176	050207	Bàn Minh Khang	24/11/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	5,75	5,25	3,10	14,10	1,00		15,10	
177	050382	Lý Thị Kim Phượng	29/01/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	6,50	4,50	3,10	14,10	1,00		15,10	
178	080095	Đặng Thị Yến	05/06/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	THCS Điện Quan	6,25	4,75	3,10	14,10	1,00		15,10	DTNT huyện - NV2
179	050094	Nguyễn Trọng Dương	27/09/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS Phúc Khánh	4,25	4,00	5,80	14,05	1,00		15,05	
180	050136	Bàn Đức Hải	11/12/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS Tân Dương	6,25	6,00	1,80	14,05	1,00		15,05	
181	080080	Lý Thị Kiều Trang	23/10/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	THCS số 1 Thượng Hà	5,75	5,00	3,30	14,05	1,00		15,05	DTNT huyện - NV2
182	050261	Lưu Thành Lương	10/04/2010	Lào Cai	Nam	Mông	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	5,50	5,50	3,00	14,00	1,00		15,00	
183	050369	Đặng Đình Phúc	02/07/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường TH&THCS Việt Tiến	4,50	4,50	5,00	14,00	1,00		15,00	
184	050409	La Thiện Tâm	29/03/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	6,00	5,00	3,00	14,00	1,00		15,00	
185	050530	Hoàng Thị Yến	22/11/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS Lương Sơn	5,50	5,50	2,90	13,90	1,00		14,90	
186	050179	Trần Trọng Hưng	14/05/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	5,00	5,25	4,60	14,85			14,85	
187	050277	Hoàng Thị Mây	13/08/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	5,50	6,00	3,30	14,80			14,80	
188	050477	Lục Thùy Trang	02/08/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS xã Minh Tân	6,00	4,50	3,30	13,80	1,00		14,80	
189	050127	Lưu Thị Hồng Hà	22/08/2010	Lào Cai	Nữ	Hmông	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	5,75	5,00	3,00	13,75	1,00		14,75	

TT	Số BD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán học	Ngoại ngữ					
190	050388	Nguyễn Tiến Quân	22/08/2010	Phú Thọ	Nam	Mường	Trường THCS xã Điện Quan	3,75	5,50	4,40	13,65	1,00		14,65	
191	050472	Đặng Quỳnh Trâm	01/06/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	7,00	4,25	2,40	13,65	1,00		14,65	
192	050250	Lương Thị Hoài Linh	03/11/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS xã Minh Tân	5,50	4,00	4,10	13,60	1,00		14,60	
193	050532	Lê Hải Yến	04/12/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS Phúc Khánh	5,75	4,25	3,60	13,60	1,00		14,60	
194	050107	Trần Minh Đăng	23/04/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường TH&THCS số 2 Phúc Khánh	5,25	5,50	2,80	13,55	1,00		14,55	
195	050520	Phan Mai Vy	27/01/2010	Lào Cai	Nữ	Giáy	Trường TH & THCS Yên Sơn	6,50	4,25	2,80	13,55	1,00		14,55	
196	050528	Hà Hải Yến	20/07/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	5,50	4,25	3,80	13,55	1,00		14,55	
197	050534	Lý Thị Hồng	11/06/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS Tân Dương	6,00	5,25	2,30	13,55	1,00		14,55	
198	050171	Hoàng Thị Hồng	19/09/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS xã Điện Quan	5,50	5,00	3,00	13,50	1,00		14,50	
199	050324	Lý Ánh Nguyệt	13/11/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường TH&THCS Việt Tiến	6,75	4,75	2,00	13,50	1,00		14,50	
200	050448	Hoàng Anh Thư	02/11/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường TH&THCS Việt Tiến	6,50	4,50	2,50	13,50	1,00		14,50	
201	080003	Đặng Trâm Anh	15/09/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	THCS Điện Quan	5,50	5,50	2,50	13,50	1,00		14,50	ĐTN huyện - NV2
202	050201	Trương Thị Huyền	20/10/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS số 1 Thượng Hà	6,75	4,50	2,20	13,45	1,00		14,45	
203	050496	Kim Phương Uyên	27/04/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	5,75	5,00	3,70	14,45			14,45	
204	050161	Hoàng Thị Thu Hoài	04/09/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	5,75	5,25	2,40	13,40	1,00		14,40	
205	050311	Nguyễn Thị Bích Ngọc	05/12/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường TH&THCS Việt Tiến	6,75	5,25	2,40	14,40			14,40	
206	050407	Thào Thị Sống	14/05/2010	Lào Cai	Nữ	Hmông	Trường THCS Lương Sơn	5,00	5,50	2,90	13,40	1,00		14,40	
207	050338	Đặng Linh Nhi	27/10/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS Tân Dương	6,33	5,75	1,30	13,38	1,00		14,38	
208	050134	Hoàng Việt Hà	14/08/2010	Yên Bái	Nam	Tày	Trường THCS xã Minh Tân	4,75	4,00	4,60	13,35	1,00		14,35	
209	050141	Trần Thị Thu Hằng	24/09/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS Tân Dương	6,75	4,50	2,10	13,35	1,00		14,35	
210	050310	Hoàng Thị Hồng Ngoan	13/12/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	5,25	5,00	3,10	13,35	1,00		14,35	
211	050123	Hoàng Hương Giang	23/03/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS Lương Sơn	5,25	5,25	2,80	13,30	1,00		14,30	
212	050128	Lý Thị Thiên Hà	01/02/2010	Lào Cai	Nữ	Giáy	Trường TH & THCS Yên Sơn	5,50	4,50	3,30	13,30	1,00		14,30	
213	050458	Hoàng Văn Thực	08/08/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	5,25	5,00	3,00	13,25	1,00		14,25	
214	050031	Hoàng Minh Ánh	24/05/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS số 2 Thượng Hà	6,50	4,00	2,70	13,20	1,00		14,20	
215	050070	Hoàng Ngọc Diệp	07/05/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường TH&THCS Việt Tiến	6,25	4,75	2,20	13,20	1,00		14,20	
216	050321	Lý Minh Nguyệt	26/06/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	6,50	4,00	2,70	13,20	1,00		14,20	
217	050348	Thào Thị Ánh Như	02/12/2010	Lào Cai	Nữ	Hmông	Trường THCS số 1 Thượng Hà	6,75	4,25	2,20	13,20	1,00		14,20	

TT	Số BD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán học	Ngoại ngữ					
218	080053	Cư Thị Như	14/04/2010	Lào Cai	Nữ	Mông	PTDTBT THCS Xuân Hòa	5,75	4,75	2,70	13,20	1,00		14,20	DTNT huyện - NV2
219	050077	Ngô Thanh Dung	24/08/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	5,00	4,75	3,40	13,15	1,00		14,15	
220	050157	Đặng Thị Mai Hoa	27/07/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS số 1 Thượng Hà	6,25	4,50	2,40	13,15	1,00		14,15	
221	050347	Hoàng Hà Như	23/07/2010	Lào Cai	Nữ	Nùng	Trường TH&THCS Việt Tiến	7,00	3,75	2,40	13,15	1,00		14,15	
222	050080	Nông Mạnh Dũng	24/08/2010	Lào Cai	Nam	Giáy	Trường TH & THCS Yên Sơn	5,00	5,00	3,10	13,10	1,00		14,10	
223	050354	Lý Hoài Niệm	01/02/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS số 2 Thượng Hà	5,50	4,00	3,60	13,10	1,00		14,10	
224	050447	Hoàng Đình Thư	19/05/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	5,50	5,00	2,60	13,10	1,00		14,10	
225	050228	Cư Thị Lan	21/11/2010	Lào Cai	Nữ	Mông	Trường THCS Tân Dương	4,25	6,00	2,80	13,05	1,00		14,05	
226	080050	Đặng Lý Cẩm Nhi	20/03/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	6,25	4,50	2,30	13,05	1,00		14,05	DTNT huyện - NV2
227	050009	Hoàng Thị Tú Anh	05/01/2010	Yên Bái	Nữ	Tày	Trường TH&THCS Việt Tiến	6,33	4,50	2,20	13,03	1,00		14,03	
228	050063	Hoàng Huy Cường	03/02/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	6,25	3,75	3,00	13,00	1,00		14,00	
229	050150	Hoàng Văn Hiệp	26/03/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	5,50	4,50	3,00	13,00	1,00		14,00	
230	050170	Triệu Thúy Hồng	08/10/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS xã Điện Quan	5,00	4,50	3,50	13,00	1,00		14,00	
231	050251	Phùng Xuân Lộc	06/08/2010	Lào Cai	Nam	Nùng	Trường TH&THCS Việt Tiến	6,00	4,00	3,00	13,00	1,00		14,00	
232	050239	Hoàng Mai Linh	30/11/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường TH&THCS Kim Sơn	5,75	4,50	2,70	12,95	1,00		13,95	
233	050434	Hoàng Thị Thắm	21/04/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	6,50	4,25	2,20	12,95	1,00		13,95	
234	050451	Trần Anh Thư	26/09/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	5,00	5,75	3,20	13,95			13,95	
235	050092	Phan Hạo Dũng	24/06/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường THCS xã Minh Tân	4,50	4,50	3,90	12,90	1,00		13,90	
236	050352	Hàng Thị Nhung	11/01/2010	Lào Cai	Nữ	Mông	Trường THCS số 2 Thượng Hà	4,75	4,75	3,40	12,90	1,00		13,90	
237	080013	Bàn Việt Cường	29/01/2010	Lào Cai	Nam	Dao	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	5,00	4,50	3,40	12,90	1,00		13,90	DTNT huyện - NV2
238	050041	Đặng Thanh Bình	02/09/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường TH&THCS số 2 Phúc Khánh	5,50	4,25	3,10	12,85	1,00		13,85	
239	050056	Lý Ngọc Chung	15/01/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	5,00	4,25	3,60	12,85	1,00		13,85	
240	050097	Hoàng Lý Ánh Dương	04/03/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS xã Điện Quan	5,25	4,00	3,60	12,85	1,00		13,85	
241	050165	Đặng Tiến Hoàng	09/08/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS số 1 Thượng Hà	5,00	5,75	2,10	12,85	1,00		13,85	
242	050256	Hà Hoàng Long	06/03/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH & THCS Yên Sơn	5,00	4,75	3,10	12,85	1,00		13,85	
243	050308	Bàn Duy Nghĩa	17/05/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS số 2 Thượng Hà	5,00	5,25	2,60	12,85	1,00		13,85	
244	050355	Hoàng Khánh Ninh	28/12/2010	Lào Cai	Nam	Giáy	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	4,50	5,25	3,10	12,85	1,00		13,85	
245	050510	Nguyễn Quang Vinh	21/08/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	5,00	4,75	3,10	12,85	1,00		13,85	

TT	Số BD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán học	Ngoại ngữ					
246	080012	Triệu Đức Công	22/02/2010	Lào Cai	Nam	Nùng	THCS Phúc Khánh	5,50	4,50	2,80	12,80	1,00		13,80	DTNT huyện - NV2
247	050060	Hoàng Văn Chuyển	22/08/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	4,75	5,00	3,00	12,75	1,00		13,75	
248	050176	Hoàng Tuấn Hưng	22/09/2010	Yên Bái	Nam	Tày	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	4,75	5,00	3,00	12,75	1,00		13,75	
249	050203	Cổ Thị Huyền	14/06/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS Tân Dương	6,25	4,00	2,50	12,75	1,00		13,75	
250	050444	Phan Thị Hoài Thu	24/08/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	4,75	6,00	2,00	12,75	1,00		13,75	
251	080054	Long Anh Như	13/03/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	PTDTBT THCS Xuân Hòa	6,50	3,75	2,50	12,75	1,00		13,75	DTNT huyện - NV2
252	050055	Phạm Kiều Chinh	20/02/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	5,58	5,25	2,90	13,73			13,73	
253	050140	Lý Thị Thu Hằng	26/10/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường TH&THCS số 2 Phúc Khánh	5,00	5,50	2,20	12,70	1,00		13,70	
254	050237	Lừ Thị Thùy Linh	29/04/2010	Lào Cai	Nữ	Hmông	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	6,25	4,25	2,20	12,70	1,00		13,70	
255	050274	Nguyễn Duy Mạnh	16/12/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH&THCS Việt Tiến	6,00	4,50	2,20	12,70	1,00		13,70	
256	050292	Triệu Thị Cầm My	01/11/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS xã Minh Tân	5,75	4,25	2,70	12,70	1,00		13,70	
257	080025	Bế Minh Khiết	09/11/2010	Lào Cai	Nam	Tày	TH&THCS Việt Tiến	5,92	4,75	2,00	12,67	1,00		13,67	DTNT huyện - NV2
258	050116	Hoàng Đức Đoàn	25/02/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	5,00	4,25	3,40	12,65	1,00		13,65	
259	050186	Đặng Nhật Huy	20/01/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	5,00	4,75	2,90	12,65	1,00		13,65	
260	050196	Lương Thị Khánh Huyền	13/03/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	6,50	3,25	2,90	12,65	1,00		13,65	
261	050233	Lý Hà Linh	20/11/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	6,00	3,75	2,90	12,65	1,00		13,65	
262	050362	Thào Minh Páo	06/08/2010	Lào Cai	Nam	Hmông	Trường THCS Lương Sơn	5,50	4,75	2,40	12,65	1,00		13,65	
263	050376	Đặng Văn Phương	02/08/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS số 1 Thượng Hà	5,75	4,00	2,90	12,65	1,00		13,65	
264	050113	Nguyễn Phúc Định	06/12/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	5,00	5,00	2,60	12,60	1,00		13,60	
265	050344	Bàn Quỳnh Như	06/09/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường TH & THCS Yên Sơn	5,50	4,50	2,60	12,60	1,00		13,60	
266	050372	Bàn Việt Phương	26/02/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	4,75	5,25	2,60	12,60	1,00		13,60	
267	050139	Hứa Thị Thu Hằng	24/11/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường TH&THCS số 2 Phúc Khánh	5,25	4,50	2,80	12,55	1,00		13,55	
268	050149	Đặng Thị Hiền	07/05/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS xã Điện Quan	5,00	5,25	2,30	12,55	1,00		13,55	
269	050253	Bùi Thành Lộc	29/11/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	5,25	6,00	2,30	13,55			13,55	
270	050410	Lục Duy Tân	01/10/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH & THCS Yên Sơn	5,50	3,25	3,80	12,55	1,00		13,55	
271	050236	Hoàng Thị Hà Linh	19/10/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	5,00	4,00	3,50	12,50	1,00		13,50	
272	050316	Đặng Bích Ngọc	13/11/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS Tân Dương	5,50	5,00	2,00	12,50	1,00		13,50	
273	050419	Hoàng Trung Thành	01/07/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	5,75	4,75	2,00	12,50	1,00		13,50	

TT	Số BD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
									Ngữ văn	Toán học	Ngoại ngữ					
274	050032	Triệu Nguyễn	Ánh	02/02/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS xã Minh Tân	6,25	3,00	3,20	12,45	1,00		13,45	
275	050378	Vũ Duy	Phương	12/07/2009	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	4,75	6,50	2,20	13,45			13,45	
276	050392	Trần Lệ	Quyên	08/10/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường TH&THCS Việt Tiến	6,00	3,75	2,70	12,45	1,00		13,45	
277	050484	Ma Xuân	Trường	19/12/2010	Lào Cai	Nam	Mông	Trường THCS Tân Dương	5,00	5,25	2,20	12,45	1,00		13,45	
278	050064	Hoàng Việt	Cường	28/05/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	5,00	4,00	3,40	12,40	1,00		13,40	
279	050190	Vì Nhật	Huy	06/06/2010	Yên Bái	Nam	Nùng	Trường THCS Phúc Khánh	5,00	4,50	2,90	12,40	1,00		13,40	
280	050234	Bàn Yến	Linh	07/06/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	5,50	4,00	2,90	12,40	1,00		13,40	
281	050399	Đặng Thị Diễm	Quỳnh	03/09/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS xã Điện Quan	5,00	4,50	2,90	12,40	1,00		13,40	
282	080096	Đặng Thị Hải	Yến	15/07/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	5,50	4,00	2,90	12,40	1,00		13,40	
283	050146	Hoàng Thị	Hào	09/07/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS Tân Dương	5,50	4,75	2,10	12,35	1,00		13,35	
284	050307	Hoàng Duy	Nghĩa	18/11/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS số 1 Thượng Hà	5,25	4,00	3,10	12,35	1,00		13,35	
285	050463	Hoàng Hữu	Thương	08/09/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	4,50	5,25	2,60	12,35	1,00		13,35	
286	050029	Bàn Thị	Ánh	19/08/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	5,50	5,00	1,80	12,30	1,00		13,30	
287	050389	Đặng Đức	Quang	04/01/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	5,25	3,75	3,30	12,30	1,00		13,30	
288	050180	Đặng Thị Mai	Hương	16/12/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường TH&THCS số 2 Phúc Khánh	5,25	3,00	4,00	12,25	1,00		13,25	
289	050217	Đặng Đình	Kiên	28/08/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS số 2 Thượng Hà	4,75	5,25	2,20	12,20	1,00		13,20	
290	050197	Hoàng Thị Khánh	Huyền	16/11/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	5,25	4,50	2,40	12,15	1,00		13,15	
291	050314	Lý Hồng	Ngọc	17/01/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS số 2 Thượng Hà	3,75	4,00	4,40	12,15	1,00		13,15	
292	050366	Lê Anh	Phong	05/11/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	4,00	3,75	4,40	12,15	1,00		13,15	
293	050121	Triệu Minh	Được	28/11/2009	Lào Cai	Nam	Dao	Trường TH&THCS Kim Sơn	6,00	4,00	2,10	12,10	1,00		13,10	
294	050225	Sầm Tuệ	Lâm	26/10/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	5,00	4,50	2,60	12,10	1,00		13,10	
295	050401	Hoàng Văn	Sơn	10/09/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	4,75	4,25	3,10	12,10	1,00		13,10	
296	050462	Triệu Hữu	Thương	27/10/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	5,00	5,00	2,10	12,10	1,00		13,10	
297	050476	Lý Thị Hà	Trang	27/03/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS Tân Dương	5,50	5,00	1,60	12,10	1,00		13,10	
298	050005	Lý Thị Huyền	Anh	12/05/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	5,50	4,00	2,50	12,00	1,00		13,00	
299	050115	Hoàng Trung	Đoàn	23/12/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	5,25	4,25	2,50	12,00	1,00		13,00	
300	050249	Lục Thị Diệu	Linh	19/02/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS số 2 Thượng Hà	6,50	3,50	2,00	12,00	1,00		13,00	
301	050330	Triệu Thúy	Nhi	27/10/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường TH&THCS Kim Sơn	4,75	4,75	2,50	12,00	1,00		13,00	

TT	Số BD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
									Ngữ văn	Toán học	Ngoại ngữ					
302	050183	Hoàng Văn	Hương	10/12/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	5,75	3,50	2,70	11,95	1,00		12,95	
303	050418	Bàn Trung	Thành	10/10/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	5,50	4,25	2,20	11,95	1,00		12,95	
304	050104	Hoàng Tiến	Đại	11/02/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	4,75	4,25	2,90	11,90	1,00		12,90	
305	050245	Hoàng Thị Ngọc	Linh	28/07/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS số 1 Thượng Hà	5,00	4,00	2,90	11,90	1,00		12,90	
306	050293	Hoàng Hải	Nam	26/02/2010	Lào Cai	Nam	Nùng	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	5,25	4,25	2,40	11,90	1,00		12,90	
307	050350	Hoàng Thị Hồng	Nhung	11/07/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường TH&THCS số 2 Phúc Khánh	6,00	5,00	0,90	11,90	1,00		12,90	
308	080048	Nông Thị Như	Nguyệt	08/07/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	5,50	4,00	2,40	11,90	1,00		12,90	DTNT huyện - NV2
309	050172	Mông Văn	Huân	02/10/2010	Lào Cai	Nam	Nùng	Trường THCS Phúc Khánh	5,25	4,00	2,60	11,85	1,00		12,85	
310	050404	Vừ Thanh	Son	23/01/2010	Lào Cai	Nam	Hmông	Trường THCS Lương Sơn	3,75	5,00	3,10	11,85	1,00		12,85	
311	050481	Hoàng Việt	Trung	25/12/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường TH&THCS số 2 Phúc Khánh	4,50	3,50	3,80	11,80	1,00		12,80	
312	050504	Hoàng	Việt	29/10/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	5,50	4,00	2,30	11,80	1,00		12,80	
313	050068	Hoàng Quốc	Dân	06/01/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH&THCS Kim Sơn	4,75	4,50	2,50	11,75	1,00		12,75	
314	050137	Vũ Thị Ngọc	Hân	21/11/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	4,75	3,50	3,50	11,75	1,00		12,75	
315	050151	Ngô Minh	Hiếu	02/09/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH & THCS Yên Sơn	6,00	3,75	2,00	11,75	1,00		12,75	
316	050393	Ngô Minh	Quyên	22/05/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS số 1 Phố Ràng	4,00	4,75	3,00	11,75	1,00		12,75	
317	050058	Phan Kim	Chuyên	02/05/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường TH & THCS Yên Sơn	5,50	4,00	2,20	11,70	1,00		12,70	
318	050142	Hoàng Thị	Hạnh	04/01/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS Lương Sơn	4,75	4,75	2,20	11,70	1,00		12,70	
319	050341	Hoàng Thị Yến	Nhi	27/10/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS xã Minh Tân	5,25	3,25	3,20	11,70	1,00		12,70	
320	050449	Nguyễn Thị Ngọc	Thư	10/05/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường TH&THCS Việt Tiến	6,00	4,50	2,20	12,70			12,70	
321	050129	Trần Sơn	Hà	28/11/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	4,50	6,00	2,10	12,60			12,60	
322	050505	Ninh Quốc	Việt	24/06/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	5,00	5,00	1,60	11,60	1,00		12,60	
323	050529	Pán Hải	Yến	05/05/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường TH & THCS Yên Sơn	5,00	3,50	3,10	11,60	1,00		12,60	
324	050189	Lương Hoàng	Huy	26/02/2010	Lào Cai	Nam	Nùng	Trường TH&THCS Việt Tiến	5,75	4,50	1,30	11,55	1,00		12,55	
325	050503	Hoàng Gia	Vĩ	30/06/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường THCS xã Minh Tân	4,75	4,00	2,80	11,55	1,00		12,55	
326	050442	Nông Thị Hoài	Thu	01/09/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	5,42	4,00	2,10	11,52	1,00		12,52	
327	050304	Nguyễn Thị Kim	Ngân	08/10/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	3,75	4,75	4,00	12,50			12,50	
328	050353	Thào Thị Hồng	Nhung	20/09/2010	Lào Cai	Nữ	Hmông	Trường THCS xã Điện Quan	5,25	3,75	2,50	11,50	1,00		12,50	
329	050367	Đỗ Hoàng Duy	Phúc	01/12/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH & THCS Yên Sơn	5,00	3,00	3,50	11,50	1,00		12,50	

TT	Số BD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
									Ngữ văn	Toán học	Ngoại ngữ					
330	050396	Đặng Hồng	Quyên	25/06/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS Tân Dương	4,75	4,75	2,00	11,50	1,00		12,50	
331	050450	Trần Anh	Thư	05/12/2010	Lào Cai	Nữ	Nùng	Trường THCS Phúc Khánh	6,25	3,00	2,20	11,45	1,00		12,45	
332	050460	Hoàng Thị Mai	Thương	05/12/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường TH&THCS số 2 Phúc Khánh	5,75	2,00	3,70	11,45	1,00		12,45	
333	050043	Hoàng Thị	Cánh	25/02/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS Lương Sơn	3,50	5,00	2,90	11,40	1,00		12,40	
334	050152	Lộc Hải	Hiếu	17/01/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH&THCS Việt Tiến	4,75	4,25	2,40	11,40	1,00		12,40	
335	050346	Đặng Thị Kim	Như	03/11/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường TH&THCS số 2 Phúc Khánh	4,75	4,25	2,40	11,40	1,00		12,40	
336	050422	Bàn Thị Thanh	Thảo	18/03/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	4,50	4,00	2,90	11,40	1,00		12,40	
337	050446	Lý Thị	Thư	12/12/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	5,00	4,50	1,90	11,40	1,00		12,40	
338	050467	Lương Quốc	Tiến	23/07/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	4,75	4,25	2,40	11,40	1,00		12,40	
339	050516	Nguyễn Trọng	Vững	30/06/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH&THCS Việt Tiến	5,75	3,25	2,40	11,40	1,00		12,40	
340	050526	Thần Thị	Xuyên	30/04/2010	Lào Cai	Nữ	Nùng	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	5,50	4,00	1,90	11,40	1,00		12,40	
341	080016	Giảng Thị Phương	Diễn	21/12/2010	Lào Cai	Nữ	Mông	PTDTBT THCS Xuân Hòa	5,75	3,50	2,10	11,35	1,00		12,35	DTNT huyện - NV2
342	050002	Trần Bảo	An	02/08/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	4,75	5,25	2,30	12,30			12,30	
343	050027	Lý Thị Hải	Anh	22/09/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS xã Điện Quan	4,50	4,50	2,30	11,30	1,00		12,30	
344	050147	Lừu Thị	Hiền	12/05/2010	Lào Cai	Nữ	Mông	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	5,50	4,00	1,80	11,30	1,00		12,30	
345	050295	Bàn Hải	Nam	16/03/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS xã Điện Quan	4,75	4,25	2,30	11,30	1,00		12,30	
346	050441	Hoàng Thị	Thom	17/03/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	5,50	4,50	1,30	11,30	1,00		12,30	
347	050317	Hoàng Bảo	Nguyên	26/04/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH&THCS Kim Sơn	5,00	4,25	2,00	11,25	1,00		12,25	
348	050342	Đặng Thị	Như	09/11/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	5,00	4,25	2,00	11,25	1,00		12,25	
349	050268	Vũ Thị Khánh	Ly	26/04/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS xã Minh Tân	6,25	2,75	3,20	12,20			12,20	
350	050340	Đặng Bùi Uyên	Nhi	27/07/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS xã Điện Quan	4,50	4,50	2,20	11,20	1,00		12,20	
351	050370	Đặng Hoàng	Phúc	03/06/2010	Lào Cai	Nam	Nùng	Trường THCS Phúc Khánh	4,25	3,75	3,20	11,20	1,00		12,20	
352	050091	Giảng Minh	Dũng	29/08/2010	Lào Cai	Nam	Hmông	Trường THCS xã Điện Quan	5,25	3,00	2,90	11,15	1,00		12,15	
353	050297	Phạm Thúy	Nga	30/01/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	3,75	5,50	2,90	12,15			12,15	
354	050174	Trương Đình	Hùng	04/08/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	5,00	4,50	1,60	11,10	1,00		12,10	
355	050421	Sàn Hồng	Thành	31/10/2010	Lào Cai	Nam	Hán	Trường TH&THCS số 2 Phúc Khánh	4,25	4,75	2,10	11,10	1,00		12,10	
356	050003	Đặng Hiếu	An	13/04/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	4,25	4,50	2,30	11,05	1,00		12,05	
357	050039	Hoàng Thị Ngọc	Bích	27/11/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	6,25	3,00	1,80	11,05	1,00		12,05	

TT	Số BD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán học	Ngoại ngữ					
358	050159	Chiêu Việt Hòa	06/07/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	4,50	4,50	2,00	11,00	1,00		12,00	
359	050290	Đoàn Trà My	27/06/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	5,00	4,00	3,00	12,00			12,00	
360	050301	Đặng Thị Kim Ngân	05/11/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS số 1 Thượng Hà	5,50	4,00	1,50	11,00	1,00		12,00	
361	050302	Nguyễn Thùy Ngân	30/09/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Thượng Hà	5,50	4,00	1,50	11,00	1,00		12,00	
362	050325	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	16/03/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS xã Điện Quan	4,50	4,50	2,00	11,00	1,00		12,00	
363	050360	Đặng Thị Kim Oanh	20/04/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	4,75	4,25	2,00	11,00	1,00		12,00	
364	080049	Hoàng Minh Nhật	25/06/2010	Lào Cai	Nam	Tày	TH&THCS số 1 Phúc Khánh	5,50	4,00	1,50	11,00	1,00		12,00	DTNT huyện - NV2
365	080015	Hàng Thị Di	03/07/2010	Lào Cai	Nữ	HMông	THCS Điện Quan	5,00	4,00	2,00	11,00	1,00		12,00	DTNT huyện - NV2
366	050264	Ma Thị Ly	04/07/2010	Lào Cai	Nữ	Mông	TH&THCS Xuân Hòa	5,75	3,50	1,70	10,95	1,00		11,95	
367	050206	Trần Quốc Khải	02/11/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS Lương Sơn	6,00	4,00	1,90	11,90			11,90	
368	050278	Bàn Thị Mến	08/03/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS số 1 Thượng Hà	5,00	4,00	1,90	10,90	1,00		11,90	
369	050326	Lộc Thị Thu Nhài	05/10/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	5,00	3,50	2,40	10,90	1,00		11,90	
370	050154	Vũ Ngọc Hiếu	29/12/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	3,25	4,00	4,60	11,85			11,85	
371	050240	Lý Thị Huyền Linh	03/11/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường TH&THCS số 2 Phúc Khánh	5,25	4,00	1,60	10,85	1,00		11,85	
372	050193	Nguyễn Minh Huy	04/11/2010	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	5,00	4,00	2,80	11,80			11,80	
373	050275	Nguyễn Tiến Mạnh	19/11/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	6,00	3,00	2,80	11,80			11,80	
374	050533	Nguyễn Hải Yển	06/01/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	5,50	4,50	1,80	11,80			11,80	
375	080056	Vi Thị Phấn	08/07/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	THCS số 2 Thượng Hà	4,75	3,25	2,80	10,80	1,00		11,80	DTNT huyện - NV2
376	050042	Lưu Seo Cảnh	25/03/2010	Lào Cai	Nam	Mông	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	5,50	3,75	1,50	10,75	1,00		11,75	
377	050078	Bàn Anh Dũng	16/11/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	4,25	4,00	2,50	10,75	1,00		11,75	
378	050188	Nguyễn Minh Huy	20/11/2010	Quảng Bình	Nam	Tày	Trường TH&THCS Việt Tiến	5,00	3,75	2,00	10,75	1,00		11,75	
379	050215	Long Trọng Khoa	05/09/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường THCS Tân Dương	4,75	4,50	1,50	10,75	1,00		11,75	
380	050118	Lù Minh Đức	09/12/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	4,00	4,00	2,70	10,70	1,00		11,70	
381	050309	Phan Trọng Nghiệp	23/09/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường THCS xã Minh Tân	5,25	2,25	3,20	10,70	1,00		11,70	
382	050004	Nguyễn Xuân An	28/01/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	5,25	4,50	1,90	11,65			11,65	
383	050212	Đặng Văn Khánh	02/09/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS số 1 Thượng Hà	4,75	4,00	1,90	10,65	1,00		11,65	
384	050232	Đặng Thị Liên	16/03/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS số 2 Thượng Hà	4,75	3,50	2,40	10,65	1,00		11,65	
385	050087	Vũ Văn Dũng	05/05/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Thượng Hà	4,00	4,00	2,60	10,60	1,00		11,60	

TT	Số BD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán học	Ngoại ngữ					
386	050119	Hoàng Việt Đức	27/07/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH&THCS Việt Tiến	4,25	3,75	2,60	10,60	1,00		11,60	
387	050166	Trần Huy Hoàng	22/06/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS xã Điện Quan	3,75	4,75	2,10	10,60	1,00		11,60	
388	050216	Đặng Đức Kiên	17/02/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường TH&THCS số 2 Phúc Khánh	4,50	3,50	2,60	10,60	1,00		11,60	
389	050220	Lý Hương Kiều	25/10/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	3,75	3,50	3,30	10,55	1,00		11,55	
390	050406	Nguyễn Trần Trung Sơn	25/01/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 1 Thượng Hà	3,75	4,00	2,80	10,55	1,00		11,55	
391	050426	Phan Thanh Thảo	23/12/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	4,50	4,25	2,80	11,55			11,55	
392	050506	Dương Hoàng Việt	25/01/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	4,25	3,50	2,80	10,55	1,00		11,55	
393	050511	Đặng Công Vinh	22/09/2009	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS Tân Dương	4,25	4,00	2,30	10,55	1,00		11,55	
394	050512	Đỗ Quang Vinh	30/04/2009	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS xã Điện Quan	5,00	3,75	1,80	10,55	1,00		11,55	
395	050423	Hà Mai Thảo	12/11/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS Phúc Khánh	4,91	3,00	2,60	10,51	1,00		11,51	
396	050158	Đặng Đức Hòa	20/11/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	5,00	4,00	1,50	10,50	1,00		11,50	
397	050231	Lục Văn Liêm	21/02/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	2,75	4,75	3,00	10,50	1,00		11,50	
398	050365	Bàn Đức Phong	27/12/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường TH&THCS số 2 Phúc Khánh	3,00	4,75	2,70	10,45	1,00		11,45	
399	050438	Đặng Thị Thiếu	23/07/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS xã Điện Quan	5,00	4,25	1,20	10,45	1,00		11,45	
400	050485	Đặng Thị Diễm Từ	11/11/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường TH&THCS số 2 Phúc Khánh	5,25	2,00	3,20	10,45	1,00		11,45	
401	050053	Nguyễn Xuân Chiến	01/03/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	4,25	4,75	2,40	11,40			11,40	
402	050163	Đặng Trọng Hoàng	16/10/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	4,50	3,50	2,40	10,40	1,00		11,40	
403	050175	Lý Ngọc Hùng	03/08/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS số 1 Thượng Hà	4,00	4,00	2,40	10,40	1,00		11,40	
404	050499	Hoàng Xuân Văn	23/10/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường TH&THCS Kim Sơn	4,50	3,00	2,90	10,40	1,00		11,40	
405	050322	Hoàng Ánh Nguyệt	27/10/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	5,00	4,25	1,10	10,35	1,00		11,35	
406	050435	Lý Đình Thiên	21/11/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS số 2 Thượng Hà	3,75	4,00	2,60	10,35	1,00		11,35	
407	050155	Hoàng Anh Hiếu	05/11/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	5,00	3,50	1,80	10,30	1,00		11,30	
408	050357	Hoàng Thị Núi	13/03/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	5,25	3,75	1,30	10,30	1,00		11,30	
409	050375	Đặng Khánh Phương	13/11/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS số 1 Thượng Hà	4,00	4,00	2,30	10,30	1,00		11,30	
410	050411	Hoàng Quốc Tân	30/11/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH&THCS Kim Sơn	5,00	3,00	2,30	10,30	1,00		11,30	
411	050453	Phạm Minh Thư	24/02/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	4,25	4,75	2,30	11,30			11,30	
412	050327	Trương Tấn Nhật	20/02/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	4,25	3,50	2,50	10,25	1,00		11,25	
413	050413	Lý Mạnh Tăng	13/05/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS số 1 Thượng Hà	4,25	4,00	2,00	10,25	1,00		11,25	

TT	Số BD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán học	Ngoại ngữ					
414	050459	Sùng Thị Thuệ	28/08/2010	Lào Cai	Nữ	Mông	Trường THCS xã Minh Tân	4,50	2,75	3,00	10,25	1,00		11,25	
415	050495	Đặng Thị Ngọc Uyên	15/10/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường TH & THCS Yên Sơn	4,00	2,75	3,50	10,25	1,00		11,25	
416	050001	Hoàng Bảo An	12/10/2010	Bình Dương	Nam	Tày	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	4,25	3,75	2,20	10,20	1,00		11,20	
417	050164	Nguyễn Minh Hoàng	26/01/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS Lương Sơn	4,25	4,75	2,20	11,20			11,20	
418	050219	Nguyễn Lâm Anh Kiệt	09/05/2010	Yên Bái	Nam	Tày	Trường THCS xã Điện Quan	4,25	4,00	1,90	10,15	1,00		11,15	
419	050011	Nguyễn Tuấn Anh	03/07/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS Lương Sơn	4,00	5,00	2,10	11,10			11,10	
420	050284	Long Văn Minh	03/05/2010	Lào Cai	Nam	La Chí	Trường THCS số 1 Thượng Hà	2,75	5,25	2,10	10,10	1,00		11,10	
421	050439	Lý Đức Thịnh	21/10/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	3,50	4,00	2,60	10,10	1,00		11,10	
422	050066	Bàn Quốc Cường	19/02/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	4,75	3,50	1,80	10,05	1,00		11,05	
423	050090	Đỗ Tấn Dũng	31/03/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	3,00	5,25	2,80	11,05			11,05	
424	050106	Đặng Bảo Đăng	28/02/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	4,25	3,50	2,30	10,05	1,00		11,05	
425	050122	Lương Văn Được	18/02/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH&THCS Kim Sơn	3,75	5,00	1,30	10,05	1,00		11,05	
426	050403	Triệu Trung Sơn	08/12/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường TH & THCS Yên Sơn	4,75	4,00	1,30	10,05	1,00		11,05	
427	050028	Trần Kim Anh	13/04/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS xã Điện Quan	5,25	2,75	2,00	10,00	1,00		11,00	
428	050162	Sầm Minh Hoàng	01/01/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH&THCS Kim Sơn	3,40	4,00	2,60	10,00	1,00		11,00	
429	050112	Giàng Thị Thanh Diệp	17/11/2010	Lào Cai	Nữ	Hmông	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	3,50	4,25	2,20	9,95	1,00		10,95	
430	050260	Hoàng Gia Long	23/03/2010	Lào Cai	Nam	Nùng	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	4,00	3,75	2,20	9,95	1,00		10,95	
431	050465	Đặng Văn Thường	04/10/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	3,75	4,00	2,20	9,95	1,00		10,95	
432	050075	Hoàng Thủy Dung	22/05/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	4,75	3,25	1,90	9,90	1,00		10,90	
433	050420	Hoàng Tiến Thành	11/11/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường TH&THCS số 2 Phúc Khánh	3,50	4,00	2,40	9,90	1,00		10,90	
434	050061	Lý Thành Công	25/11/2010	Lào Cai	Nam	Hmông	Trường THCS xã Điện Quan	3,50	3,75	2,60	9,85	1,00		10,85	
435	050093	Nguyễn Đăng Dương	06/07/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường TH & THCS Yên Sơn	5,25	2,75	2,80	10,80			10,80	
436	050478	Bàn Đức Trí	16/05/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	2,50	4,00	3,30	9,80	1,00		10,80	
437	050067	Nông Việt Cường	04/11/2010	Lào Cai	Nam	Nùng	Trường THCS số 2 Thượng Hà	3,75	4,00	2,00	9,75	1,00		10,75	
438	050214	Hoàng Chuyên Khoa	06/01/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường THCS Lương Sơn	4,25	3,00	2,50	9,75	1,00		10,75	
439	050390	Hoàng Duy Quang	01/10/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	4,50	3,75	1,50	9,75	1,00		10,75	
440	050515	Đặng Hoàng Vũ	22/08/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS số 1 Thượng Hà	3,75	3,50	2,50	9,75	1,00		10,75	
441	050168	Thào Seo Hội	10/10/2010	Lào Cai	Nam	Mông	Trường THCS Lương Sơn	3,75	3,75	2,20	9,70	1,00		10,70	

TT	Số BD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán học	Ngoại ngữ					
442	050408	Chiêu Ngọc Tài	06/03/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh	4,50	3,50	1,70	9,70	1,00		10,70	
443	050457	Lù Tiến Thực	13/02/2010	Lào Cai	Nam	Nùng	Trường PTDTBT THCS Xuân Hòa	3,25	4,75	1,70	9,70	1,00		10,70	
444	050111	Phạm Thành Đạt	09/03/2010	Lào Cai	Nam	Kinh	Trường THCS Phúc Khánh	4,00	3,25	2,40	9,65	1,00		10,65	
445	050144	Đặng Thị Hạnh	10/02/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS số 1 Thượng Hà	3,50	3,75	2,40	9,65	1,00		10,65	
446	050431	Hứa Thị Thảo	30/04/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường THCS Tân Dương	3,50	4,75	1,40	9,65	1,00		10,65	
447	050138	Dương Thị Minh Hằng	16/07/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Thượng	3,50	4,00	2,10	9,60	1,00		10,60	
448	050386	Hứa Mạnh Quân	04/07/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường TH&THCS số 2 Phúc Khánh	4,25	2,75	2,60	9,60	1,00		10,60	
449	050474	Triệu Quỳnh Trang	19/08/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường TH&THCS Kim Sơn	3,50	3,50	2,60	9,60	1,00		10,60	
450	050195	Hoàng Thị Thu Huyền	05/12/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS xã Điện Quan	5,00	1,75	2,80	9,55	1,00		10,55	
451	050363	Phùng Anh Phi	28/11/2010	Lào Cai	Nam	Nùng	Trường THCS Phúc Khánh	4,50	3,25	1,80	9,55	1,00		10,55	
452	050385	Lục Hoa Phượng	19/06/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS xã Minh Tân	4,75	2,50	2,30	9,55	1,00		10,55	
453	050213	Hoàng Minh Khoa	12/04/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH & THCS Yên Sơn	5,25	1,75	2,50	9,50	1,00		10,50	
454	050456	Hoàng Ngọc Thụ	20/03/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH&THCS Kim Sơn	3,00	4,25	2,20	9,45	1,00		10,45	
455	050509	Hoàng Quốc Vinh	24/9/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường THCS Lương Sơn	4,00	3,25	2,20	9,45	1,00		10,45	
456	050414	Hứa Quyết Thắng	23/08/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS Phúc Khánh	3,75	3,25	2,40	9,40	1,00		10,40	
457	050415	Cao Văn Thắng	08/07/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS số 2 Thượng Hà	2,50	4,00	2,90	9,40	1,00		10,40	
458	050443	Lý Thị Ngọc Thu	26/08/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường TH & THCS Yên Sơn	5,16	3,00	1,20	9,36	1,00		10,36	
459	050349	Nguyễn Á Như	02/01/2009	Lào Cai	Nữ	Cao Lan	Trường THCS số 2 thị trấn Phố Ràng	4,30	3,25	1,80	9,35	1,00		10,35	
460	050493	Giàng Thị Tuyết	28/10/2010	Lào Cai	Nữ	Hmông	Trường THCS xã Điện Quan	4,50	3,25	1,60	9,35	1,00		10,35	
461	050473	Đặng Thị Thu Trang	22/10/2010	Lào Cai	Nữ	Dao	Trường TH & THCS Yên Sơn	5,50	2,00	1,80	9,30	1,00		10,30	
462	050177	Lê Bùi Tuấn Hưng	17/11/2010	Lào Cai	Nam	Nùng	Trường THCS Phúc Khánh	5,00	2,25	2,00	9,25	1,00		10,25	
463	050199	Trần Khánh Huyền	13/06/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS Phúc Khánh	4,25	3,00	2,00	9,25	1,00		10,25	
464	050286	Ma Seo Mông	18/07/2010	Lào Cai	Nam	Mông	Trường THCS số 1 Thượng Hà	3,75	4,00	1,50	9,25	1,00		10,25	
465	050425	Phan Thanh Thảo	21/04/2010	Lào Cai	Nữ	Kinh	Trường THCS số 1 Phố Ràng	4,25	3,50	2,50	10,25			10,25	
466	050007	Hoàng Tuấn Anh	24/09/2010	Lào Cai	Nam	Tày	Trường TH&THCS Kim Sơn	3,50	4,00	1,70	9,20	1,00		10,20	
467	050508	Ma Seo Việt	14/09/2010	Lào Cai	Nam	Hmông	Trường THCS xã Điện Quan	4,50	1,75	2,90	9,15	1,00		10,15	
468	050120	Lô Minh Đức	29/05/2010	Lào Cai	Nam	Dao	Trường THCS số 1 Thượng Hà	3,00	3,00	3,10	9,10	1,00		10,10	
469	050400	Hoàng Thị Sờ	07/02/2010	Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS xã Minh Tân	5,00	1,50	2,60	9,10	1,00		10,10	

